



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5432, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE [REDACTED]

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV # \_\_\_\_\_  
VEND. # \_\_\_\_\_  
UNIT 3024 MIT MAR 1-171: \_\_\_\_\_

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam so that eligibility for U.S. admission via the orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN PHÚ HỘI  
Last Middle First

Current Address 139/157 đường 30-4 Thành phố Cần Thơ, Tỉnh Hậu Giang (VN)

Date of Birth 13.12.1939 Place of Birth Trương Thành (Cần Thơ)

Previous Occupation before 1975 MAJOR DEPUTY OFFICER of the 9<sup>TH</sup> Engn Combat Bn  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05.05.1975 To 18.01.1982

3. SPONSOR'S NAME: TRẦN TÂN NHỰT  
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

NHUT TAN TRAN

brother

If you are eligible to file for the applicant under Category 1 of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR) you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN PHÚ HÒI  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH                 | RELATION |
|------------------------------------------|-------------------------------|----------|
| TRẦN THỊ NGỌC THU                        | MAY 25 <sup>TH</sup> 1940     | WIFE     |
| NGUYỄN PHÚ HÒI                           | MAY 3 <sup>RD</sup> 1964      | SON      |
| NGUYỄN NGỌC DŨNG                         | JULY 9 <sup>TH</sup> 1965     | SON      |
| NGUYỄN THỊ THU YẾN                       | NOVEMBER 5 <sup>TH</sup> 1969 | DAUGHTER |
| NGUYỄN PHÚ THANH SƠN                     | JANUARY 7 <sup>TH</sup> 1969  | SON      |
|                                          |                               |          |
|                                          |                               |          |
|                                          |                               |          |
|                                          |                               |          |
|                                          |                               |          |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Can Tho

Date: August 28<sup>th</sup> 1988

TO : THE CRIMINAL DEPARTURE PROGRAM OFFICE

SUBJECT: ☒ APPLICATION FOR IMMIGRATION-VISA TO IMMIGRATE TO THE U.S.

Dear Sir,

I undersigned: NGUYEN PHU HOI Sex: Male  
Date and place of birth: 13.12.1939 TRUONG THANH (CANTHO)  
Nationality: VN Religion: \_\_\_\_\_  
Family status: \_\_\_\_\_  
Presently, address: 139/157 ABBING 30.4 THANH PHO CAN THO TRICH  
HAU GIANG (VN)

MILITARY GRADES:

I was a former: NGUYEN PHU HOI ENGR. OFFICER OF RYNAF  
Title/Rank: MAJOR Serial number: 59/101.360  
Position title: DEPUTY OFFICER  
Agency or Unit: THE 9TH ENGR. COMBAT BATTALION  
My direct Supervisor: MAJOR LE HUU HANH

Based on the authority of the organization and the spirit of humanitarian act and due my difficult situation, I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Republic Socialist of Vietnam in order that my family be permitted to the protection of the organization and immigrate to the U.S....

There are: 5 persons in my family whose names are:

| NO | FULL NAME            | SEX | DATE OF BIRTH                   | PLACE OF BIRTH        | RELATIONSHIP |
|----|----------------------|-----|---------------------------------|-----------------------|--------------|
| 1  | TRAN THI NGOC THU    | (F) | MAY 25 <sup>TH</sup> 1940       | DINH LONG (CHAU NGOC) | WIFE         |
| 2  | NGUYEN PHU HAI       | (M) | MAY 3 <sup>RD</sup> 1964        | TAN AN (PHONG DINH)   | SON          |
| 3  | NGUYEN NGOC DUNG     | (M) | JULY 9 <sup>TH</sup> 1965       | DO DUONG (AA LAT)     | SON          |
| 4  | NGUYEN THI THU VAN   | (F) | SEPTEMBER 25 <sup>TH</sup> 1967 | XUAN KHANH (CANTHO)   | DAUGHTER     |
| 5  | NGUYEN PHU THANH SON | (M) | JANUARY 7 <sup>TH</sup> 1969    | TAN AN (PHONG DINH)   | SON          |

hoping for your consideration and my family to the situation by your activity. I remain,

Enclosure here in:

Respectfully yours,

slw

QUESTIONNAIRE FOR GGP APPLICANTS  
CÂU HỎI CHO NGƯỜI ĐI ĐEM

GGP IV

Date  
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire  
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhoo Building  
Sathorn Tai Road  
Bangkok 10120  
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name  
Họ, tên : NGUYỄN PHÚ HỒI Sex: MALE  
Phái
2. Other Names  
Họ, tên khác : \_\_\_\_\_
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi Sinh : 13-12-1939 Trường Thành (Cần Thơ)
4. Residence Address  
Địa chỉ thường trú : 139/157 đường 30-4 Thành Phố Cần Thơ tỉnh Hậu Giang (VN)
5. Mailing Address  
Địa chỉ thư gửi : 139/157 đường 30-4 Thành Phố Cần Thơ tỉnh Hậu Giang (VN)
6. Current Occupation  
Nghề-nghiep hiện tại : \_\_\_\_\_

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M) Divorced (D) Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W) hoặc độc thân (S))

| Name<br>Họ, Tên                | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh   | Sex<br>Giới | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên hệ gia đình | Sex<br>Giới   |
|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------------|---------------|
| 1. <u>TRẦN THỊ NGỌC THỦY</u>   | <u>MAY 25<sup>TH</sup> 1940</u>      | <u>BÌNH LONG (CHÂU ĐỐC)</u>  | <u>(M)</u>  | <u>(M)</u>                | <u>WIFE</u>                      | <u>FEMALE</u> |
| 2. <u>NGUYỄN PHÚ HẢI</u>       | <u>MAY 30<sup>TH</sup> 1964</u>      | <u>TÂN AN (PHONG ĐIỀN H)</u> | <u>(S)</u>  | <u>(S)</u>                | <u>SON</u>                       | <u>M</u>      |
| 3. <u>NGUYỄN NGỌC DƯƠNG</u>    | <u>JULY 9<sup>TH</sup> 1965</u>      | <u>ĐỒNG DƯƠNG (ĐÀ LẠT)</u>   | <u>(S)</u>  | <u>(S)</u>                | <u>SON</u>                       | <u>M</u>      |
| 4. <u>NGUYỄN THỊ THU VÂN</u>   | <u>NOV 25<sup>TH</sup> 1967</u>      | <u>KUÂN KHÁNH (CẦN THƠ)</u>  | <u>(S)</u>  | <u>(S)</u>                | <u>DAUGHTER</u>                  | <u>F</u>      |
| 5. <u>NGUYỄN PHÚ THẠNH SƠN</u> | <u>JANUARY 7<sup>TH</sup> 1969</u>   | <u>TÂN AN (PHONG ĐIỀN H)</u> | <u>(S)</u>  | <u>(S)</u>                | <u>SON</u>                       | <u>M</u>      |
| 6.                             |                                      |                              |             |                           |                                  |               |
| 7.                             |                                      |                              |             |                           |                                  |               |
| 8.                             |                                      |                              |             |                           |                                  |               |
| 9.                             |                                      |                              |             |                           |                                  |               |
| 10.                            |                                      |                              |             |                           |                                  |               |
| 11.                            |                                      |                              |             |                           |                                  |               |
| 12.                            |                                      |                              |             |                           |                                  |               |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy kết hôn (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

OF Myself/của tôi

OF My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.  
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name  
Họ, Tên

TRẦN TÂN NHỰT

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình

BROTHER

c. Address  
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival  
in the U.S.  
Ngày bà con đến Mỹ

1976

2. Closest Relative in Other Foreign Countries  
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name  
Họ, tên

TRẦN HỮU PHƯƠNG

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình

NEPHEW (cháu gọi bằng cô)

c. Address  
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father  
Cha : NGUYỄN VĂN MƯỜN (L)

2. Mother  
Mẹ : LÊ THỊ TÂN (L)

3. Spouse  
Vợ/Chồng : TRẦN THỊ NGỌC THU (L)

4. Former Spouse (if any)  
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children  
Con cái: (1) NGUYỄN PHU HAI (L)

(2) NGUYỄN NGỌC DUNG (L)

(3) NGUYỄN THỊ THU VÂN (L)

(4) NGUYỄN PHU THANH SƠN (L)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings  
Anh chị em: (1) NGUYỄN THỊ KIM MẠI (L)

(2) NGUYỄN TRUNG NGHĨA (L)

(3) NGUYỄN THỊ SANG (L)

(4) NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG (L)

(5) NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP (L)

(6) NGUYỄN CHÍ HIẾP (L)

(7) NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP (L)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-ty của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hãng/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời-gian làm-việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_
2. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hãng/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời-gian làm-việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-Thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý-do nghỉ-việc : \_\_\_\_\_
3. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hãng/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving  
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN PHÚ HÒI
2. Dates: From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Ngày, tháng, năm Từ 17.02.1959 Đến 30.4.1975
3. Last Rank  
Cấp-hạng cuối-cùng: MAJOR Serial Number:  
Số thứ nhân-viên: 59/101.360
4. Unit/Army/Office/Military Unit  
Bộ/sở/Ban-VI Binh-Chương: The 9<sup>TH</sup> ENGINEER COMBAT BTN (9<sup>TH</sup> INFANTRY DIVISION)
5. Name of Supervisor/C.O.  
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: MAJOR LÊ HỮU HẠNH (9<sup>TH</sup> ENGR. COMBAT BTN.)  
GENERAL HUYNH VĂN LẠC (9<sup>TH</sup> INFANTRY DIVISION)

6. Reason for Separation :  
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):  
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:  
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ  
tại Viet-Nam

ENGINEER ADVANCE COURSE (1973)

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes \_\_\_ No ☒ .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có  
Đúng sự có không? Có \_\_\_ Không \_\_\_.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở  
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes \_\_\_ No ☒ .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có \_\_\_ Không \_\_\_)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN PHÚ HỒI

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Từ: 05-05-1975

Tới: 18-01-1982

3. Still in Reeducation? \* Yes \_\_\_ No \_\_\_

Vẫn còn học-tập cải-tạo? \* Có \_\_\_ Không ☒ X

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Năm 1962 - Đơn vị: Tiểu đoàn 202 Công binh chiến đấu ở Pleikue Cố vấn Mỹ  
Trung tá MAC MAHUS  
Năm 1963 - Đơn vị: Tiểu đoàn 202 Công binh chiến đấu ở Pleikue  
Cố vấn Mỹ: AA' WY' CRAVER

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

AUGUST 28<sup>TH</sup> 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 5 copies of birth certificates

- 1 Marriage certificate

- 1 Identification card

- 3 photographs

ODP-11 1 copy of my release certificate

6/84



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0535  
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV 6  
YES 1  
1-171

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN PHU Hoi  
Last Middle First
- Current Address 139/157 đường 30-4 thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang (VN)
- Date of Birth 13.12.1939 Place of Birth Tiểu thành (Cần Thơ)
- Previous Occupation before 1975 MAJOR, DEPUTY OFFICER of the 9<sup>th</sup> Engz Combat Bn.  
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05-05-1975 To 18-01-1982
3. SPONSOR'S NAME: TRAN TAN NHUT  
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

NGUYEN TAN TRAN

Brother

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (ADR) you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN PHÚ HẢI  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH                  | RELATION |
|------------------------------------------|--------------------------------|----------|
| TRẦN THỊ NGỌC THU                        | MAY 25 <sup>TH</sup> 1940      | WIFE     |
| NGUYỄN PHÚ HẢI                           | MAY 3 <sup>RD</sup> 1964       | SON      |
| NGUYỄN NGỌC DUNG                         | JULY 9 <sup>TH</sup> 1965      | SON      |
| NGUYỄN THỊ THU VÂN                       | NOVEMBER 25 <sup>TH</sup> 1967 | DAUGHTER |
| NGUYỄN PHÚ KHANH SƠN                     | JANUARY 7 <sup>TH</sup> 1969   | SON      |
|                                          |                                |          |
|                                          |                                |          |
|                                          |                                |          |
|                                          |                                |          |
|                                          |                                |          |

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Cần Thơ

Date: August 28<sup>th</sup> 1988

TO : THE ORDERLY DEPARTMENT PROGRAM OFFICE

SUBJECT : APPLICATION FOR IMMIGRATION-VISA TO IMMIGRATE TO THE USA.

☐ Dear Sir,

I undersigned : NGUYỄN PHÚ HỒI Sex : Male  
Date and place of birth : 13.12.1939 Tuồng Chánh (Cần Thơ)  
Nationality : VN Religion : \_\_\_\_\_  
Family status : 1  
Presently address : 139/157 đường 80-4 Thành Phố Cần Thơ  
Tỉnh Hậu Giang (VN)

MY STATUS :

I was a former : NGUYỄN PHÚ HỒI ENGR OFFICER of RVNAF  
Title/Rank : MAJOR Serial number : 59/101.360  
Position title : DEPUTY OFFICER  
Agency or Unit : THE 9TH ENGR. COMBAT BATTALION  
My direct Supervisor : MAJOR LÊ HỮU HẠNH

Based on the authority of the organization and the spirit of humanitarian act and due my difficult situation. I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Republic Socialist of Vietnam in order that my family be permitted to the protection of the organization and immigrate to the U.S.A.

There are : 5 persons in my family whose names is

| NO | FULL NAME | SEX | DATE OF BIRTH | PLACE OF BIRTH | REMARKS |
|----|-----------|-----|---------------|----------------|---------|
|----|-----------|-----|---------------|----------------|---------|

- |   |                             |            |                                      |                             |                 |
|---|-----------------------------|------------|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------|
| 1 | <u>TRẦN THỊ NGỌC THU</u>    | <u>(F)</u> | <u>MAY 25<sup>TH</sup> 1940</u>      | <u>Bình Long (CHAUỐC)</u>   | <u>WIFE</u>     |
| 2 | <u>NGUYỄN PHÚ HỒI</u>       | <u>(M)</u> | <u>MAY 3<sup>RD</sup> 1964</u>       | <u>TÂN AN (CẦN THƠ)</u>     | <u>SON</u>      |
| 3 | <u>NGUYỄN NGỌC DUNG</u>     | <u>(M)</u> | <u>JULY 9<sup>TH</sup> 1965</u>      | <u>ĐỒN DÒNG (ĐALAT)</u>     | <u>SON</u>      |
| 4 | <u>NGUYỄN THỊ THU VÂN</u>   | <u>(F)</u> | <u>NOVEMBER 25<sup>TH</sup> 1967</u> | <u>XUÂN KHANH (CẦN THƠ)</u> | <u>DAUGHTER</u> |
| 5 | <u>NGUYỄN PHÚ THẠNH SƠN</u> | <u>(M)</u> | <u>JANUARY 7<sup>TH</sup> 1969</u>   | <u>TÂN AN (PHONG DINH)</u>  | <u>SON</u>      |

Hoping for your consideration and my family to situation by your activity. I remain.

Enclosure here in :

Respectfully yours,

plw

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS  
CÂU HỎI CHO NGƯỜI ĐI ĐÓNG

ODP IV 0

Date:  
Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire  
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhwa Building  
Sathorn Tai Road  
Bangkok 10120  
Thailand

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name  
Họ, tên : NGUYỄN PHU HOI Sex: Male  
Phái
2. Other Names  
Họ, tên khác : \_\_\_\_\_
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi Sinh : 13.12.1939 Trường Thành (Cần Thơ)
4. Residence Address  
Địa-chỉ thường-trú : 139/157 đường 30.4 Thành phố Cần Thơ (Hàng Giang) VN
5. Mailing Address  
Địa-chỉ thư-lưu : 139/157 đường 30.4 Thành phố Cần Thơ (Hàng Giang) VN
6. Current Occupation  
Nghề-nghiệp hiện tại : \_\_\_\_\_

B. Relatives To Accompany Ho/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M) Divorced (D) Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/cha thê (W) hoặc độc thân (S).)

| Name<br>Họ, Tên                | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh    | Place of Birth<br>Nơi sinh  | Sex<br>Phái | Relationship<br>Liên hệ gia đình | Sex      |
|--------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------------------------------|----------|
| 1. <u>TRẦN THỊ NGỌC THU</u>    | <u>MAY 25<sup>th</sup> 1940</u>         | <u>BÌNH LỘC (CHÂU ĐỐC)</u>  | <u>(M)</u>  | <u>WIFE</u>                      | <u>F</u> |
| 2. <u>NGUYỄN PHU HAI</u>       | <u>MAY 3<sup>rd</sup> 1964</u>          | <u>TÂN AN (PHONG ĐÌNH)</u>  | <u>(S)</u>  | <u>SON</u>                       | <u>M</u> |
| 3. <u>NGUYỄN NGỌC ĐÌNH</u>     | <u>JULY 7<sup>th</sup> 1965</u>         | <u>BẾN ĐƯỜNG (ĐÀ LẠT)</u>   | <u>(S)</u>  | <u>SON</u>                       | <u>M</u> |
| 4. <u>NGUYỄN THỊ THU VÂN</u>   | <u>20 NOVEMBER 25<sup>th</sup> 1967</u> | <u>XUÂN KHÁNH (CẦN THƠ)</u> | <u>(S)</u>  | <u>DAUGHTER</u>                  | <u>F</u> |
| 5. <u>NGUYỄN PHU THANH SƠN</u> | <u>JANUARY 7<sup>th</sup> 1969</u>      | <u>TÂN AN (PHONG ĐÌNH)</u>  | <u>(S)</u>  | <u>SON</u>                       | <u>M</u> |
| 6.                             |                                         |                             |             |                                  |          |
| 7.                             |                                         |                             |             |                                  |          |
| 8.                             |                                         |                             |             |                                  |          |
| 9.                             |                                         |                             |             |                                  |          |
| 10.                            |                                         |                             |             |                                  |          |
| 11.                            |                                         |                             |             |                                  |          |
| 12.                            |                                         |                             |             |                                  |          |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificate (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy kết hôn (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/cha thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ạ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.  
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name  
Họ, Tên :

TRẦN VĂN NHƯT

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình :

BROTHER

c. Address  
Địa-chỉ :

D. Date of Relatives Arrival  
in the U.S.  
Ngày bà con đến Mỹ :

1976

2. Closest Relative in Other Foreign Countries  
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name  
Họ, tên :

TRẦN HỮU PHƯƠNG

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình :

NEPHEW (cháu gọi bằng cô)

c. Address  
Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father  
Cha

NGUYỄN VĂN MƯỜN (L)

2. Mother  
Mẹ

LÊ THỊ TAM (L)

3. Spouse  
Vợ/Chồng:

TRẦN THỊ NGỌC THỤ (L)

4. Former Spouse (if any)  
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children  
Con cái:

(1) NGUYỄN PHÚ HẢI (L)

(2) NGUYỄN NGỌC DƯƠNG (L)

(3) NGUYỄN THỊ THU VÂN (L)

(4) NGUYỄN PHÚ THANH SƠN (L)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings  
Anh chị em:

(1) NGUYỄN THỊ KIM MAI (L)

(2) NGUYỄN TRUNG NGHIA (L)

(3) NGUYỄN THỊ SANG (L)

(4) NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG (L)

(5) NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP (L)

(6) NGUYỄN CHÍ HIỆP (L)

(7) NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP (L)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your  
Spouse/Spouse hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-ty của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_

Position title

Chức-vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm-việc

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_

Position title

Chức-vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm việc

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

3. Employee Name

Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_

Position title

Chức-vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_

Length of Employment

From:

To:

Thời gian làm việc

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Spouse hoặc vợ/chồng đã Công-vu với  
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia:

NGUYỄN PHU HÒI

2. Dates:

From:

To:

Ngày, tháng, năm

Từ

17.02.1959

Tới

30.4.1975

3. Last Rank

Cấp-học cuối-cùng

MAJOR

Serial Number:

Số liên nhân-viên

59/101.360

4. Military/Office/Unitary Unit

Vũ/số/Ban-Vị Ban-Chống

The 9TH ENGINEER COMBAT BTR (9TH INFANTRY DIVISION)

5. Name of Supervisor/Officer

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan

chỉ-huy

MAJOR LÊ HỮU HẠNH (9TH ENG COMBAT BTR)

GENERAL HUYNH VĂN LAC (9TH INFANTRY DIVISION)

6. Reason for Separation :  
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):  
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:  
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ  
tại Viet-Nam

ENGINEER ADVANCE COURSE (1973)

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes ☐ No ☒

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thư nếu có  
Đúng sẽ có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở  
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:

From

To

Ngày, tháng, năm

Từ:

Tới:

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training?

AI trả-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☒

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN PHU HOI

2. Time in Reeducation: From:

To:

Thời gian học-tập

Từ:

Tới:

05.05.1975

18.01.1982

3. Still in Reeducation? \* Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo? \* Có

Không

X

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúch chú phụ-thuộc

Năm 1962. Đơn vị: Tiểu Đoàn 202 Công Binh Chuẩn Bị ở Pleikue. Cố-vấn Mỹ

TRUNG UY MAC MANUS

Năm 1963. Đơn vị: Tiểu Đoàn 202 Công Binh Chuẩn Bị ở Pleikue.

Cố-vấn Mỹ: ĐẠI UY CRAVER.

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

AUGUST 28<sup>TH</sup> 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-cớ kèm theo với số câu hỏi này

- 5 copies of birth certificates

- 1 marriage certificate

- 1 identification card

- 3 photographs

- 1 copy of my release certificate

ODP-D

6/84

BỘ NỘI VỤ  
Trại HOANG LOU

Số 147 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 0 | 1 | 1 | 7 | 6 | 2 | 1 | 1 | 5 | 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

SHSLD

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 04/QĐ ngày 05 tháng 01 năm 1982

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN PHÚ HỐI

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 13 tháng 12 năm 1939

Nơi sinh Cần Thơ

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 139/137 Đường 30/4 - TX Cần Thơ-Hậu Giang

Cán tội Thiếu tá tẩu loạn quân công binh

Bị bắt ngày 05-5-1975

Án phạt TRỌT

Theo quyết định, án văn số \*/ ngày      tháng      năm      của     

Đã bị tống án 1 lần, cộng thành      năm      tháng     

Đã được giảm án 7/1 lần, cộng thành      năm      tháng     

Nay về cư trú tại 139/157 Đường 30/4-TX Cần Thơ-Hậu Giang

Nhận xét quá trình cải tạo

SAO Y BẢN CHÍNH  
Số 891 /SK.CC

Thủ quản chế: 12 tháng

CÁN THƯ, ngày 26 tháng 8 năm 1982  
CÔNG CHỨNG VIÊN

Thi en cu cấp: 37.60 (Ba bảy đồng năm hào)



Của Nguyễn Phú Hối

Danh bản số 1479

Lập tại Trại quản Pháp

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Nguyễn Phú Hối.



Ngày 18 tháng 01 năm 1982

Giám thị

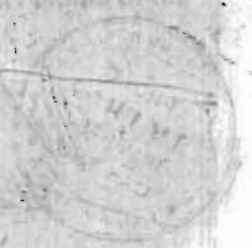
Trưng t a: Trình Văn Thích.

St. Joseph  
File in the hands of the  
military 12



On 11-22-62  
Chief and  
Kend  
from the Board

RECEIVED  
JAN 10 1963  
U.S. DEPT. OF JUSTICE



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh Quang-Ngai

Quận Ba-To

Xã Ba-Thuận

# TRÍCH-LỤC

## CHỨNG THƯ HÔN THỨ

Số hiệu : 08

Tên họ người chồng NGUYỄN-TRU-NGUY

Nghề-nghiệp Quản-lý nhân

sinh ngày Mười ba tháng Mười hai năm 1939

tại Truong-Thành (Cần-Thơ)

cư-sở tại KBC, MI

tạm trú tại Ba-Thuận (Quận Ba-To)

Tên họ cha chồng (sống chết phải nói) Nguyễn-van-Muôn (sống)

Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Li-thi-Tam (sống)

Tên họ người vợ TRẦN-THI-NGỌC-THU

Nghề-nghiệp Nồi-Tro

sinh ngày Hai mươi lăm tháng Nam năm 1940

tại Bình-Lang (Chợ-Bò)

cư-sở tại Saigon

tạm trú tại Xã Ba-Thuận (Quận Ba-To, Tỉnh Quang-Ngai)

Tên họ cha vợ (sống chết phải nói) Trần-thanh-Phong (sống)

Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Tiết-thi-Huân (sống)

Ngày cưới Ngày chín tháng Tám năm 1963

Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế 00

ngày Chín tháng Tam năm 1963 tại Xã Ba-thuận

TRÍCH-Y LỜI CHÁNH:

Xã Ba-Thuận ngày, Mười tháng Tam năm 1963

Viên-chức hộ-tịch,  
NGUYỄN-DINH-SÁ



SAO-Y BẢN-CHÍNH  
Số 877 /SK-OC

Cấp cho ngày 16 tháng 8 năm 1963  
CÔNG CHỨNG VIỆN

CHỖ ĐÓNG CHỮ  
HỌ TÊN CỦA NGƯỜI KÈM KÈM KÈM  
Xã Ba-Thuận  
T. QUAN-THUẬN  
P. QUAN-TRƯỞNG



Tam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 361294961

Họ tên NGUYỄN PHÚ

PHẠNH SƠN

Sinh ngày 1969

Nguyên quán

Cần Thơ, Hậu Giang

Nơi thường trú 139/157, Xuân-  
Khánh, Cần Thơ, Hậu Giang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **360946651**

Đã cấp ngày 26 tháng 8 năm 19  
ở QUẬN CHỢ

Họ tên **NGUYỄN NGỌC DUNG**

**SỞ Y BẢN CHÁNH**  
Số 881 / 157.00

Sinh ngày **09-07-1965**

Nguyên quán **Tân An,**

**TP. Cần Thơ, Hậu Giang**

Nơi thường trú **139/157, Đường**

**30-1, Cần Thơ, Hậu Giang**



*Danh*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 381361086

Họ tên: NGUYỄN PHỊ PHU VÂN

SAO Y BẢN CHÁNH  
SS 188 157.00



Sinh ngày 25-11-1967

Nguyên quán Xuân Khanh

Cán Thơ Hậu Giang

Nơi thường trú 39/237 đường

30/4, Cán Thơ Hậu Giang



Đã Đăng





VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
THẺ CĂN-CUỘC

Số 03669313



Họ Tên TRẦN-THỊ NGUYỄN-THU

Ngày, nơi sinh 25.5.1940

Bình-Lương, Cần-Lô

Cha Trần-Thành-Thông

Mẹ Thiệt-Thị-Huyền

Địa chỉ 129/5 Lý-Thái-Tổ, P. Minh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Phong Dinh

BẢN SAO LỤC BỘ SANH TẠI XÃ Tân an

NĂM 1969

Số hiệu 215

|                     |                                 |
|---------------------|---------------------------------|
| Tên họ đứa con nít. | <u>Nguyễn Phú Thanh Sơn</u>     |
| Nam hay nữ          | <u>nam</u>                      |
| Sanh ngày nào       | <u>Ngày tháng Giêng 41 1969</u> |
| Sanh tại đâu        | <u>Tân an Phong dinh</u>        |
| Tên, họ cha         | <u>Nguyễn Phú Hội</u>           |
| Cha làm nghề gì     | <u>Quản nhân</u>                |
| Nhà cửa ở đâu       | <u>Tân an Phong dinh</u>        |
| Tên họ mẹ           | <u>Trần thị Ngọc Thu</u>        |
| Mẹ làm nghề gì      | <u>Hội trợ</u>                  |
| Nhà cửa ở đâu       | <u>Tân an Phong dinh</u>        |
| Vợ chánh hay vợ thứ | <u>Vợ chánh</u>                 |

Tại Tân an, ngày 13 tháng 1 năm 1969

NGƯỜI KHAI,

HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH,

Nguyễn Phú Hội Trần thanh Tú

NGƯỜI CHỨNG;

Chứng cho hợp pháp chỗ ký ngang đây của

Ủy-Ban Hành-Chánh xã

- Lê Ngọc Ân
- Võ Văn Nguyễn

TRÍCH LỤC Y BỘ ĐƠN

Tân an, ngày 13 tháng 1 1969

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã:

CHỦ-TỊCH kiêm ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

TÁ-THÀNH-TỰ

SAO Y BẢN CHÁNH

Số 215 năm 1969

Đã thu, ngày 13 tháng 1 năm 1969  
CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Thanh

## KHAİ SANH

Nhà In Lâm - Viên Dalat

Tên, họ ấu nhi : **NGUYỄN-NGỌC-DŨNG**

Phái : **Trái**

Sinh : **ngày chín, tháng bảy, năm một ngàn chín**  
(Ngày, tháng, năm)  
**trăm sáu mươi lăm (9-7-1965)**

Tại : **Nhà Hộ-Sanh-Dịch-Liên Đơn-Dương**

Cha : **Nguyễn-Phủ-Hội**  
(Tên, họ)

Tuổi : **26 tuổi**

Nghề nghiệp : **Quân-nhân**

Cư-trú tại : **K.B.C. 4.169**

Mẹ : **Trần-Thị-Ngọc-Thu**  
(Tên, họ)

Tuổi : **25; tuổi**

Nghề nghiệp : **nội-trợ**

Cư-trú tại : **Lâm-Tuyền, Lạc-Nghiệp, Đơn-Dương**

Vợ : **Chánh**  
(Chánh hay thối)

Người khai : **Nguyễn-Phủ-Hội**  
(Tên, họ)

Tuổi : **26 tuổi**

Nghề nghiệp : **Quân-nhân**

Cư-trú tại : **K.B.C. 4.169**

Ngày khai : **Mười sáu, tháng bảy, năm 1965**

Người chứng thứ nhất : **Trần-Hữu-Xuân**  
(Tên, họ)

Tuổi : **42 tuổi**

Nghề nghiệp : **Quân-nhân**

Cư-trú tại : **K.B.C. 4.169**

Người chứng thứ nhì : **Lai-Văn-Điện**  
(Tên, họ)

Tuổi : **34 tuổi**

Nghề nghiệp : **Quân-nhân**

Cư-trú tại : **K.B.C. 4.169**



**SAD Y BÀN CHÁNH**  
Số 879 187.00

CĂN TỰ, ngày 26 tháng 8 năm 1965  
CÔNG CHỨNG VIỆN



*Thị Thanh*

TRICH LỤC BỘ LỢI NAM 1962

Lạc-Nghiệp, ngày 22-7-1965

Ông Tịch Viêm  
Họ-Tịch

Lâm tại Lạc-Nghiệp, ngày 16 tháng 7 năm 1965  
Người khai: Hộ-lai.

Ký tên, Ký tên, Ký tên,  
Nguyễn-Phủ-Hội Phạm - Lai Trần-Hữu-Xuân  
và đồng đồng Lai-Văn-Điện.

CHỨNG THỰC CHỦ BẮC ĐÂY

Là của ông *Phạm Lai* 23 tháng 7 năm 1965

QUẢN LÝ CÔNG HÀNH CHỨC  
X. QUẢN TRƯỞNG  
PHÓ QUẢN TRƯỞNG

*Chau*  
TOUNEH-YTH



# VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH PHONG-DINH

BỒN SAO LỤC BỘ SANH TẠI XÃ TÂN-AN

NĂM 1964

Số hiệu 1575

Sinh in Thành-Sơn Cantho

|                     |                                    |
|---------------------|------------------------------------|
| Tên họ đứa con nít  | NGUYỄN-PHÚ-HẢI                     |
| Nam hay Nữ          | Nam                                |
| Sanh ngày nào       | Ba , tháng năm ,dl. 1964.          |
| Sanh tại đâu        | Bảo sanh viện (Phong-Dinh)         |
| Tên, họ cha         | NGUYỄN-PHÚ-HỘI                     |
| Cha làm nghề gì     | Quân nhân                          |
| Nhà cửa ở đâu       | Tân-an (Phong-Dinh)                |
| Tên, họ mẹ          | TRẦN-THỊ NGỌC-THU                  |
| Mẹ làm nghề gì      | Thợ kỹ                             |
| Nhà cửa ở đâu       | Tân-an (Phong-Dinh)                |
| Vợ chánh hay vợ thứ | Vợ chánh<br>HT. số 8 Ba Thuận 1963 |

Tại TÂN-AN , ngày 6 tháng 5 1964

NGƯỜI KHAI, HỘI VIÊN HỘ-TỊCH, NGƯỜI CHỨNG:

Nguyễn văn Muôn

1. Nguyễn thanh Phở  
2. Nguyễn văn Sao

Chứng cho hợp pháp chữ ký ngang đây của

Hội-Đồng xã TÂN-AN

PHONG-DINH , ngày 8-5-1964

PHONG-DINH - TRƯỞNG.



ĐOÀN-VĂN-LỢI  
Phó Giám-Sự Hành-Chính

TRÍCH LỤC Y BỘ ĐỜI

TÂN-AN , ngày 7 tháng 5 1964

HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH.

ĐẠI-DIÊN XÃ,  
NHÂN THỰC CHỦ KÝ BÊN DÂY  
QUA H.V. HỘ-TỊCH XÃ TÂN-AN  
TÂN-AN, ngày 7 tháng 5 năm 1964  
Đại-Diễn Xã.



Nguyễn văn Lợi

Lê Đăng Nghiệp

SAO Y BẢN CHÍNH

SAO Y BẢN CHÍNH  
Số 880 137.00  
Đã TỰ, ngày 16 tháng 8 năm 1964  
CÔNG CHỨNG VIỆN



Lê Đăng

**PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM** Phong-Định C.10  
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1<sup>ère</sup> INSTANCE DE \_\_\_\_\_)

**BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH** làng Trùng-Thành Cantho  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)  
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1939  
(Année)

SỐ HIỆU 70  
(Acte No)

|                                                              |                     |
|--------------------------------------------------------------|---------------------|
| Tên, họ đứa con nít . . . . .<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Nguyễn-phú-Hội      |
| Nam, nữ . . . . .<br>(Sexe de l'enfant)                      | Nam                 |
| Sinh ngày rằm . . . . .<br>(Date de naissance)               | le 13 Décembre 1939 |
| Sinh tại chỗ nào . . . . .<br>(Lieu de naissance)            | Trùng-Thành         |
| Tên, họ cha . . . . .<br>(Nom et prénom du père)             | Nguyễn-văn-Muôn     |
| Cha làm nghề gì . . . . .<br>(Sa profession)                 | Làm ruộng           |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .<br>(Son domicile)                    | Trùng-Thành         |
| Tên, họ mẹ . . . . .<br>(Nom et prénom de la mère)           | Lê-thị-Tám          |
| Mẹ làm nghề gì . . . . .<br>(Sa profession)                  | Làm ruộng           |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .<br>(Son domicile)                    | Trùng-Thành         |
| Vợ chánh hay thứ . . . . .<br>(Son rang de femme mariée)     | Vợ chánh            |

Trích y bản chánh/  
(Pour extrait conforme)

Cantho, ngày 20.01 1975

CHÁNH LỤC-SỰ,  
(LE GREFFIER EN CHEF)



Lê-quang-Tốt-

Giá tiền: 15.00  
(Coût)

Biên-lai số: 641 Cấp cho Nguyễn-phú-Hội.  
(Quittance No)



**SAO Y BẢN CHÁNH**

CÁN THƯ, ngày tháng năm 1975  
CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Đanh

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3 /P3

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn Xuân Khánh  
 Thị xã, Quận Cần Thơ  
 Thành phố, Tỉnh Hậu Giang

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 96Quyển số IV

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|                                                                                               |                                                                                                        |  |                                         |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------|----|
| Họ và tên                                                                                     | NGUYỄN THỊ THU VÂN                                                                                     |  | Nam, nữ                                 | NỮ |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | Ngày hai lăm, tháng mười, một, năm một chín sáu bảy<br>( 25 - 11 - 1967 )                              |  |                                         |    |
| Nơi sinh                                                                                      | Tân An Phong Định CẦN THƠ                                                                              |  |                                         |    |
| Khai về cha, mẹ                                                                               | C H A                                                                                                  |  | M E                                     |    |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | NGUYỄN PHÚ HỐI<br>13 - 12 - 1939                                                                       |  | TRẦN THỊ NGỌC THU<br>25 - 5 - 1940      |    |
| Dân tộc                                                                                       | Kinh                                                                                                   |  | Kinh                                    |    |
| Quốc tịch                                                                                     | Việt Nam                                                                                               |  | Việt Nam                                |    |
| Nghề nghiệp                                                                                   | Quan Nhân                                                                                              |  | Nơi Trú                                 |    |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                           | Số 139/157 đường 30-4 Phường Xuân Khánh                                                                |  | Số 139/157 đường 30-4 Phường Xuân Khánh |    |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy<br>chứng minh hoặc CNCC<br>của người đứng khai | NGUYỄN PHÚ HỐI Sinh năm 1939 thường trú 139/157<br>đường 30 - 4 Phường Xuân Khánh Thành Phố<br>Cần Thơ |  |                                         |    |

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày        tháng        năm       Đăng ký ngày 27 tháng 08 năm 1988

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND        ký tên đóng dấu

Chủ tịch  
( Đã Ký )



Xuân Khánh Huyện

Xuân Khánh Huyện



Chuyển đến \_\_\_\_\_

Chuyển đến \_\_\_\_\_

Từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Ký tên đóng dấu

Từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến \_\_\_\_\_

Chuyển đến \_\_\_\_\_

Từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

**NHỮNG VIỆC ĐỐI KHÁC**

Nội dung \_\_\_\_\_

Nội dung \_\_\_\_\_

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Trưởng công an

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Trưởng công an

Nội dung \_\_\_\_\_

Nội dung \_\_\_\_\_

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Trưởng công an

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
Trưởng công an



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ**

SỐ: 0437

Họ và tên chủ hộ: Trần Thị Ngọc Khuê

Số nhà: 139/157 Ngõ (hẻm): \_\_\_\_\_

Đường phố: 30/4 Đồn CAND Xuân Khánh

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Cần Thơ

Tỉnh, thành phố: Hải Phòng

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Số: 571 / 06

Đã trừ, ngày 26 tháng 10 năm 1978  
CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày 25 tháng 01 năm 1978  
Trưởng công an Trần Văn Dũng  
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Trần Văn Dũng

Đã Đăng

**NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ**

| SỐ<br>thứ tự | HỌ VÀ TÊN<br>Tên thường gọi         | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | Nam<br>Nữ | Quan hệ<br>với Chủ Hộ | Nghề nghiệp<br>và nơi làm việc | Số CM hoặc<br>CNCC | Ngày, tháng<br>năm đăng ký<br>nhân khẩu<br>thường trú | Ngày tháng năm<br>và nơi chuyển đi       | Ký tên đóng dấu<br>của cơ quan công an |
|--------------|-------------------------------------|---------------------------|-----------|-----------------------|--------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1            | 2                                   | 3                         | 4         | 5                     | 6                              | 7                  | 8                                                     | 9                                        | 10                                     |
| 01           | Trần Thị Ngọc Bình                  | 1940                      | nữ        | chủ hộ                | làm ruộng                      | 360078812          | 05-05-77                                              |                                          |                                        |
| 02           | Nguyễn Phú Hải                      | 1964                      | nam       | con                   |                                | 3659105X           | 25-5-77                                               |                                          |                                        |
| 03           | Nguyễn Văn Hữu Hạnh<br>ĐA CHUYỂN ĐI | 1965                      | nam       | con                   |                                |                    | 05-5-77                                               | Đang học N <sup>2</sup> HIG<br>R5 8. 437 |                                        |
| 04           | Nguyễn Thị Bình Trân                | 1967                      | nữ        | con                   |                                |                    | 25-5-77                                               |                                          |                                        |
| 05           | Nguyễn Phú Thành Sơn                | 1969                      | nam       | con                   |                                | 366231961          | 25-5-77                                               |                                          |                                        |
| 06           | NGUYỄN PHÚ HẢI                      | 1980                      | nam       | chồng                 |                                |                    | 13/10-11-85                                           |                                          |                                        |



NGUYỄN PHÚ HỒI

Ảnh chụp năm 1969



NGUYỄN PHÚ HỘI

Sinh ngày 13.12.1939

tại Trường Thành (Cần Thơ)

---

TRẦN THỊ NGỌC THU

Sinh ngày 25.5.1940

Bình Long (Châu Đức)

---

NGUYỄN PHÚ HẢI

Sinh ngày 3.5.1964

Tại Tân An (Phong Dinh)

---

NGUYỄN NGỌC DUNG

Sinh ngày 9.7.1965

tại Đồn Đổng (Hà Lạt)

---

NGUYỄN THỊ THU VÂN

Sinh ngày 25.9.1967

tại Xuân Khánh (Cần Thơ)

---

NGUYỄN PHÚ THANH SƠN

Sinh ngày 7.01.1969

tại xã Tân An (Phong Dinh)

---

CONTROL

☐ Card  
☒ Doc. Request; Form 10/6/88  
☐ Release Order  
☐ Computer  
☐ Form "D"  
☐ ODP/Date \_\_\_\_\_  
☐ Membership; Letter

Trần Tấn Huệ

TN; Nguyễn Phú Hối  
Major 7 YRS.